ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

(Thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, ngày 20/5/2013, sửa đổi lần thứ ba tai Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, ngày 28/4/2016; Sửa đổi lần thứ ba tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại TP. Hà Nội)

1. Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 8 và được công bố tại quyết định số 68/2014-QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 măm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung mộ số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 96/ 2015/ NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghi định số 99/2012/NĐ–CP ngày 15/11/2012 về phân công phân cấp, thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,
- Thông tư số 95/2017/TT-BCT ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

2. Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung của Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này có quy định khác, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **"Vốn điều lệ"** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Tổng Công ty và được quy định tại Điều 4, Điều lệ này.

b. **"Luật Doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.

c. **"Ngày thành lập"** là ngày Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ có giá trị khác tương đương lần đầu.

d. **" Người quản lý doanh nghiệp"** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong HABECO có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại điều lệ Tổng công ty.

e. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

f. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

g. **"Thời hạn hoạt động"** là thời hạn hoạt động của HABECO được quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của HABECO thông qua bằng Nghị quyết.

h. **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

i. **" Cổ đông chiến lược"** trong Điều lệ này là Tập đoàn Carlsberg Breweries A/S.

k .**"Luật chứng khoán"** là là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.

l. **"Cổ đông lớn"** là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán "Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành".

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của HABECO

1. Tên công ty:

- Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**
- Tên tiếng Anh: **HANOI BEER ALCOHOL AND BEVERAGE JOINT STOCK CORPORATION**
- Tên viết tắt: **HABECO**

2. Biểu tượng:

HABECO
Sức bật Việt Nam

3. Hình thức hoạt động

Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO hoặc Công ty) là công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật và Điều lệ này. HABECO có các đặc điểm chính sau đây:

a. Thuộc sở hữu của các cổ đông có nắm giữ cổ phần của HABECO;

b. Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c. Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ;

d. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

e. Là một Tổng công ty cổ phần được chuyển đổi từ một Tổng công ty thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước theo các quy định về cổ phần hóa. HABECO có quyền hạn và nghĩa vụ kế thừa, tiếp nhận toàn bộ các tài sản, bất động sản, quyền, lợi ích, quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa, các khoản đầu tư thuộc về HABECO tại thời điểm đăng ký kinh doanh.

4. Trụ sở đăng ký của HABECO:

- Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.38453843/

- Fax: 024.37223784/ 024.38464549

- E-mail: habeco@habeco.com.vn

- Website: http://www.habeco.com.vn

5. Các chi nhánh của HABECO:

a, Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội – Nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh, địa chỉ: Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

b, Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội – Nhà máy Bia Hà Nội – Hoàng Hoa Thám, địa chỉ: Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

6. Hội đồng quản trị HABECO có thể quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại các tỉnh hoặc thành phố của Việt Nam hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của HABECO, theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.

7. Thời hạn hoạt động:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thời hạn hoạt động của HABECO bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.

1. HABECO có hai (02) người đại diện theo pháp luật:

   a. Chủ tịch HĐQT

   b. Tổng Giám đốc

2. Trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO.

   a. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO theo quy định tại Điều lệ này và Điều 14 Luật doanh nghiệp.

   b. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của HABECO:

- Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, phê chuẩn, thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó.
- Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ này. Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. Ngoài ra Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO đối với tất cả các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Chủ tịch HĐQT như quy định tại phần trên.

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của HABECO được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

2. Vốn điều lệ của HABECO tại thời điểm thành lập là 2.318.000.000.000 đồng (*Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng chẵn*)

3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 231.800.000 cổ phần (Hai trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*).

4. HABECO có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong các trường hợp sau đây:

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HABECO hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong HABECO nếu HABECO đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b. HABECO có thể mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định và Điều 129 của Luật Doanh Nghiệp; mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan;

c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 củaLuật Doanh nghiệp.

5. HABECO chỉ được sử dụng vốn điều lệ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và không trái quy định của pháp luật.

Điều 5. Các nguồn vốn khác

Các nguồn vốn khác của HABECO được hình thành trên cơ sở:

1. Vay từ các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước

2. Vay của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HABECO

Điều 6. Mục tiêu hoạt động

- Xây dựng HABECO trở thành một Tổng công ty lớn mạnh, có vị trí quan trọng trong ngành công nghiệp bia, rượu, nước giải khát, có tốc độ phát triển cao, hiệu quả và bền vững, kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trong đó bia, rượu, nước giải khát là những sản phẩm chính, chủ yếu.

- Tập trung đầu tư phát triển năng lực sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực quản lý điều hành hoạt động của công ty mẹ. Đồng thời mở rộng, phát triển đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của cả Công ty mẹ - Công ty con.

- Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, phát triển mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển trong nền kinh tế thị trường.

- Sử dụng hiệu quả các tiềm lực vốn, thương hiệu sản phẩm để phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và quyền lợi, lợi ích của các cổ đông.

Điều 7. Ngành nghề kinh doanh

HABECO với chức năng vừa trực tiếp hoạt động SXKD và đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết, hoạt động SXKD những ngành nghề sau:

- Sản xuất kinh doanh các loại: bia, rượu, cồn, nước giải khát, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát; các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát;

- Dịch vụ tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; thiết kế, chế tạo, xây, lắp đặt thiết bị và công trình chuyên ngành bia, rượu, nước giải khát;

- Kinh doanh bất động sản: trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng, nhà ở cho thuê; Kinh doanh du lịch, nhà hàng, dịch vụ ăn uống;

và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. HABECO được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu đề ra.

2. HABECO có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép phù hợp với sự phát triển của Công ty và nhu cầu thị trường. Tất cả những thay đổi này đều phải và được Đại hội đồng cổ đông thông qua và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu pháp luật Việt Nam có quy định.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HABECO

Mục 1. CÁC QUYỀN CỦA HABECO

Điều 9. Quyền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của HABECO;

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;

3. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh; sắp xếp, bố trí hợp lý nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong sản xuất, kinh doanh;

4. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển, hiệu quả kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh của HABECO;

5. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật;

6. Kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của HABECO và nhu cầu của thị trường;

7. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;

8. Kinh doanh xuất, nhập khẩu;

9. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.

10. Được Nhà nước bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm: các sáng chế, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

12. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Sử dụng vốn của HABECO hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; góp vốn cùng với các nhà đầu tư khác thành lập công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên ở trong và ngoài nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác.

13. Tuyển chọn, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh; quyết định mức lương trên cơ sở công việc và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

14. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

15. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền về vốn và tài sản

1. Sử dụng vốn và các quỹ của HABECO để phục vụ yêu cầu sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển;

2. Bán hoặc cho thuê những tài sản không sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả, chưa sử dụng hết công suất.

3. Chào bán, phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật, thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền sở hữu của HABECO tại các ngân hàng để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với số vốn đầu tư tại các công ty khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2. NGHĨA VỤ

Điều 11. Nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do HABECO thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của HABECO, nhu cầu thị trường và quy định của pháp luật.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng đã ký với đối tác.

4. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.

5. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, vệ sinh, an toàn lao động.

6. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông; bảo đảm tính xác thực của các báo cáo đó.

7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

8. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc sử dụng vốn để đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp khác.

Điều 12. Nghĩa vụ trong quản lý tài chính

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của HABECO.

2. Bảo toàn và phát triển vốn. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác.

3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Tổng công ty cổ phần tại thời điểm thành lập.

4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của HABECO.

5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ TỨC

Mục 1. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 13. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của HABECO được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*)

2. Tại thời điểm có hiệu lực của Điều lệ này:

- Số lượng cổ phần của HABECO là 231.800.000 cổ phần và được quyền chào bán, Toàn bộ số cổ phần này đã được phát hành và thanh toán đầy đủ.

- Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

3. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.

4. Sau thời điểm thành lập, HABECO có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định của khoản 7 Điều này và khoản 2 Điều 15 Điều lệ.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau theo số lượng cổ phần sở hữu.

6. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Toàn bộ các cổ phần mới hoặc chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong HABECO, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác HABECO phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu ba mươi (30) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của HABECO quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

8. HABECO có thể mua lại cổ phần do chính HABECO đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do HABECO mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

9. HABECO có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do HABECO phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của HABECO.

2. Cổ phiếu của HABECO phát hành là cổ phiếu ghi tên:

a. Cổ phiếu có ghi rõ họ tên, địa chỉ của tổ chức hay cá nhân sở hữu cổ phần và các thông tin khác theo Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp; việc chuyển nhượng cổ phiếu loại này phải tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

b. Hội đồng quản trị HABECO quyết định chọn mẫu cổ phiếu HABECO và cách thức quản lý cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật. Mọi cổ phiếu HABECO chỉ hợp lệ khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của HABECO và đóng dấu của HABECO.

c. Các cổ đông sau khi nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc nộp tiền mua cổ phần của HABECO được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của HABECO và nhận một hoặc một số cổ phiếu cho số cổ phần của mình.

d. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do HABECO phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật HABECO ký trên cổ phiếu chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

e. . Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được HABECO cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho HABECO. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

g. Đối với cổ phiếu có mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của HABECO có quyền yêu cầu chủ sở hữu của cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ thực hiện việc cấp cổ phiếu mới.

Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

Chào bán cổ phần là việc HABECO tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ

1. HABECO thực hiện chào bán cổ phần theo một trong các hình thức sau đây:

a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b. Chào bán ra công chúng;

c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện chào bán cổ phần thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.

3. Sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phần, HABECO đăng ký lại vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp đã được ghi đúng và đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của HABECO.

5. Sau khi cổ phần được bán, HABECO phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. HABECO có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu; trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong HABECO.

6. Cổ phiếu của HABECO được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của HABECO. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và HABECO phát hành chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Cổ phiếu HABECO được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và sau khi HABECO đã hoàn tất việc lập Sổ đăng ký cổ đông.

8. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 9. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần của HABECO thực hiện theo quy định tại các điều 122; 123;124 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 16. Thừa kế cổ phần

1. Thừa kế cổ phần của cổ đông là cá nhân:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc (cá nhân và/hoặc tổ chức) hoặc người thừa kế theo pháp luật (cá nhân) của cổ đông đó là cổ đông của HABECO.

HABECO không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại HABECO cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trong trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của HABECO.

b. Người có quyền sở hữu, do thừa kế hợp pháp, phải đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ được kế quyền.

2. Thừa kế cổ phần của cổ đông là tổ chức:

Trường hợp cổ đông của HABECO là tổ chức bị giải thể hoặc được tổ chức lại dẫn đến việc tổ chức cũ phải chấm dứt hoạt động, thì các tổ chức, cá nhân được quyền thừa kế hợp pháp cổ phần của tổ chức cũ sau khi xuất trình các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp của mình, sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở hành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ được thừa kế.

Điều 17. Phát hành trái phiếu

1. HABECO có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.

2. HABECO không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

b. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Đại hội đồng cổ đông HABECO có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của HABECO có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại HABECO hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ HABECO có quyền yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu HABECO mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HABECO trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. HABECO phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của HABECO

HABECO có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị HABECO quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. HABECO có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong HABECO. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của HABECO phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho HABECO.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được HABECO trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của

cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. HABECO chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn quy định.

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. HABECO chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, HABECO vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với HABECO.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của HABECO giảm hơn 10% thì HABECO phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 22. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho HABECO theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của HABECO. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Trong phạm vi mà pháp luật cho phép, cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn tương ứng với thời hạn chậm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông

1. HABECO phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của HABECO; Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

b. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân,Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d. Số lượng, giá trị cổ phần từng loại của mỗi cổ đông đã mua ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của HABECO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Mục 2. CỔ TỨC

Điều 24. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của HABECO.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của HABECO. Mức cổ tức dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. HABECO không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới loại cổ phiếu mà HABECO đã phát hành.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, HABECO sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi HABECO đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép HABECO thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp HABECO đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, HABECO không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền HABECO chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của HABECO. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 25. Chi trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế của HABECO.

HABECO chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, HABECO vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Hội đồng quản trị HABECO phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi đầy đủ nội dung quy định tại khoản 4, Điều 132, Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì cổ đông chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ HABECO.

4. Tuỳ theo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng quý hoặc sáu tháng, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng mức cổ tức theo kết quả sản xuất kinh doanh cùng kỳ báo cáo (nếu cần thiết).

5. Sau một năm kể từ ngày trả cổ tức, nếu không có người nhận thì Hội đồng quản trị sẽ sử dụng số tiền cổ tức này vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO. Sau hai năm kể từ ngày trả cổ tức và sau khi có cáo thị ghi rõ họ tên, số cổ phần của cổ đông đó và cáo thị đó phải được đăng tải ba lần trong thời gian một tháng trên một trong các báo hàng ngày của địa phương, mà vẫn không có người đến nhận thì Hội đồng quản trị sẽ nhập số cổ tức đó vào quỹ của HABECO.

6. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

Điều 26. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho HABECO số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý HABECO

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Ban Tổng giám đốc;

5. Và các phòng ban, đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.

Mục 1. CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của HABECO là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của HABECO.

2. Cổ phần được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại HABECO.

3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.

4. Tại thời điểm thành lập, HABECO không có cổ đông sáng lập.

5. Người đại diện của cổ đông tại HABECO:

a. Người đại diện của cổ đông là tổ chức tại HABECO là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó. Người đại diện này có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc tổ chức đó làm đại diện tại HABECO. Những người được uỷ quyền làm đại diện cho tổ chức tại HABECO không được uỷ quyền lại cho người khác;

b. Cổ đông là cá nhân, có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại HABECO;

c. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản; khi cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị HABECO;

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông đòi hỏi phải được sự chấp thuận bằng văn bản của tất cả các cổ đông trong nhóm;

e. Trong trường hợp cổ đông là tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc kế thừa quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ đó, thì cổ đông là tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị HABECO các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị HABECO quyết định công nhận về cổ đông, cổ phần và người đại diện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo thông báo của tổ chức đó.

Điều 29. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của HABECO và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của HABECO của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh có liên quan đến quyền lợi của cổ đông, và được quyền kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của HABECO, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO.

c. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong HABECO;

e. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hoặc theo các thỏa thuận mà cổ đông bán cổ phần là một bên tham gia;

g. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ HABECO, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

i. Khi HABECO giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại HABECO;

k. Yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này;

l. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:

a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải có đầy đủ nội dung được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

d. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị HABECO vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị HABECO đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c. Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, về tham nhũng hoặc cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại cho HABECO của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị HABECO, thành viên Hội đồng quản trị.

d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ HABECO.

e. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản; văn bản yêu cầu phải có đầy đủ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị HABECO, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông có thể uỷ quyền người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với các điều kiện sau:

a. Chỉ được uỷ quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông;

b. Phải có giấy uỷ quyền;

c. Người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách chính mình và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

6. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO:

a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 hoặc Khoản 5 Điều 70 của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên

mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

b. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi số vốn đã góp vào HABECO.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi HABECO dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được HABECO hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra (nếu có).

3. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế của HABECO.

4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Chịu trách nhiệm các nhân khi nhân danh HABECO dưới mọi hình thức thực hiện một số hành vi sau:

a, Vi phạm pháp luật;

b, Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c, Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với HABECO.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

Điều 31. Cổ đông chiến lược

1. HABECO lựa chọn Tập đoàn Carlsberg Breweries A/S có trụ sở tại 100 Ny Carlsberg vej, DK 1760 Copenhagen V, Đan Mạch là cổ đông chiến lược của HABECO.

2. Cổ đông chiến lược có đầy đủ các quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định liên quan của Pháp luật Việt nam.

3. HABECO ký hợp đồng với cổ đông chiến lược và tuân thủ các thỏa thuận với cổ đông chiến lược theo Hợp đồng đã ký trên nguyên tắc đảm bảo pháp luật. HABECO sẽ tham khảo ý kiến của Cổ đông chiến lược về một số vấn đề quan trọng được quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần giữa HABECO và Cổ đông chiến lược.

4. Phụ thuộc vào các Hợp đồng chi tiết sẽ ký giữa HABECO và Cổ đông chiến lược, cổ đông chiến lược có trách nhiệm và với ưu thế, khả năng của mình để cùng với HABECO xây dựng, phát triển, quản lý điều hành HABECO phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế trong quản lý, tài chính, công nghệ thiết bị, thị trường, thương hiệu để mang lại hiệu quả cho HABECO và quyền lợi của các cổ đông.

Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của HABECO.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của HABECO;

b. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

d. Số lượng, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên HABECO;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO đã được kiểm toán;

f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;

h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát HABECO gây thiệt hại cho HABECO và cổ đông HABECO;

k. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) HABECO và chỉ định người thanh lý;

l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại.

m. HABECO ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

n. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

3.Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến HABECO. Thông báo phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

HABECO phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị HABECO, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của HABECO;

b. Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của HABECO, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền được quy định theo Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị HABECO phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a. Xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị , Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định của Điều lệ này;

c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;,

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này hoặc Tổng Giam đốc có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được HABECO hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do các cổ đông tự chi tiêu, chi phí ăn, ở và đi lại khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của HABECO. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến HABECO chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại HABECO, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán; trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc được chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tay hoặc địa chỉ đăng ký của cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của

Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn tới toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1.Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Từ Đại hội lần thứ hai trở đi, Hội đồng quản trị căn cứ số lượng cổ đông để xác định số lượng sở hữu cổ phần của cổ đông và nhóm cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông cho phù hợp với điều kiện tổ chức Đại hội.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của HABECO và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

d. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4.Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu

giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

5.Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền.

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp HABECO nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu HABECO nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng nếu đủ điều kiện có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

8. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây:

a, Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b, Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c, Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d, Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai (02) trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu

tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp .Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba (03) trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền biểu quyết quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp HABECO phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, HABECO sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm

chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu cao nhất sẽ làm chủ toạ cuộc họp;

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

Đại hội đồng cô đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp . Ngoài ra, Chủ toạ Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ toạ của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm, HABECO phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Để linh hoạt hơn trong hoạt động, HABECO có thể xem xét đưa ra quy định cho phép cổ đông tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc khác.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;

b. Thông qua định hướng phát triển HABECO;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

d. Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO;

g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h. Tổ chức lại, giải thể HABECO.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c.Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý HABECO;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghị trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của HABECO;

đ. Tổ chức lại hay giải thể HABECO;

e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;

4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (ngoài các nội dung theo quy địnhkhoản 3 và khoản 5 Điều này) được thông qua khi được cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

5.Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ HABECO.

6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

7 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

8.Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO.

Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Điều lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến HABECO theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý HABECO.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác của HABECO. Biên bản phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.

Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ HABECO.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HABECO, có toàn quyền nhân danh HABECO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HABECO không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị HABECO có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và kế hoạch hằng năm của HABECO;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c.Kiến nghị loại, tổng giá trị, mức giá và thời điểm phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của HABECO trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này;

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO, trừ hợp đồng và giao dịch có liên quan theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 32 và Điều 69 của Điều lệ này;

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối với Tổng giám đốc HABECO; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc; Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của HABECO;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của HABECO và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các tiểu ban giúp việc HĐQT. Cán bộ của các Tiểu ban này có thể do HĐQT cử cán bộ Tổng công ty kiêm nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n. Trình báo cáo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản HABECO;

q. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị HABECO sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

s. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ HABECO gây thiệt hại cho HABECO thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho HABECO; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của HABECO liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện Nghị quyết này.

5. Hội đồng quản trị phải xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công, phân cấp trong Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xử lý công việc và quản lý giám sát của Hội đồng quản trị. Xây dựng quy chế quản trị HABECO để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của HABECO trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.

7. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt HABECO.

Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên, số lượng cụ thể thành viên hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Số lượng cụ thể, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;

d. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị không được đảm nhiệm hoặc được uỷ quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của HABECO;

e) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 5 công ty khác.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;

- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho HABECO trong trường hợp ứng viên đó hiên đang là thành viên Hội đồng quản trị HABECO;

- Các lợi ích có liên quan tới HABECO (nếu có);

- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

- Các thông tin khác (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sau (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người ứng cử vào có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị HABECO không kiêm Tổng giám đốc HABECO.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc phê chuẩn;
h) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài

theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập của Hội đồng quản trị;

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên;

c. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lý quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 4 Điều này có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp kèm theo đến Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này,

cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại điểm b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của HABECO. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với HABECO và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt nó hiệu lực áp dụng.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.

Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 51. Người phụ trách quản trị HABECO

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) làm Người phụ trách quản trị HABECO để hỗ trợ hoạt động quản trị HABECO được tiến hành một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HABECO theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị HABECO phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị HABECO khi cần nhưng khối trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị HABECO có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa HABECO và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của HABECO;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.

Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc điều hành lĩnh vực và các cán bộ quản lý khác trực thuộc HABECO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của HABECO và của các công ty con của HABECO.

2. Người được yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu.

Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này;

b. Có đơn xin từ chức; không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ này;

c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật;

d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;

g. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án.

h. Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho HABECO với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ HABECO, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, có trách nhiệm thực hiện uỷ quyền, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO trong từng thời kỳ;

b. Được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý trong HABECO cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của HABECO và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

c. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;

d. Thực hiện Điều lệ của HABECO, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị;

e. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại HABECO thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và tuân thủ quy chế quản lý người đại diện của Cơ quan quản lý người đại diện.

Điều 55. Tiếp nhận nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Sau Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, hồ sơ, tài liệu có liên quan tới quyền sở hữu và kế thừa của Tổng công ty cổ phần HABECO theo quy định của Pháp luật về cổ phần hoá và lập hồ sơ bàn giao tại thời điểm có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty cổ phần HABECO, báo cáo Hội đồng quản trị.

Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 56. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của HABECO, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước cổ đông và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của HABECO, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của HABECO và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực. Các Phó tổng giám đốc được Tổng Giám đốc phân công điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của HABECO. Các Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc về các phần việc được phân công.

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b.Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ HABECO;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của HABECO;

đ. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng/bổ nhiệm để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho người điều hành doanh nghiệp và báo cáo Hội đồng quản trị;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, các chức danh quản lý trong HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị;

g. Tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h. Tuyển dụng lao động;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Xây dựng các bản dự toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, năm báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý vốn, tình hình tài chính hàng tháng, quý, năm cho Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông HABECO;

l) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và quyết định phương án đầu tư được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

m) Quyết định chương trình phát triển thị trường, tiếp thị theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, các quy chế nội bộ của HABECO, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;

2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của HABECO theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, hợp đồng lao động ký với HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho HABECO thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho HABECO.

3.Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của HABECO;

3. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

Điều 59. Từ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của các cơ quan pháp luật;

b. Từ chức, tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này;

c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật;

d. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

e. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của toà án.

3. Trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc. Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 60. Ủy quyền của Tổng Giám Đốc

Tổng giám đốc có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm bằng văn bản cho Phó tổng giám đốc và các chức danh khác của HABECO thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc trong HABECO, nhưng Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm này.

Điều 61. Trách nhiệm người được Tổng giám đốc ủy quyền

Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo sự uỷ quyền, uỷ nhiệm.

Điều 62. Ủy quyền liên quan đến con dấu

Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến việc sử dụng con dấu của HABECO đều phải được thực hiện bằng văn bản.

Điều 63. Trách nhiệm về chứng từ kế toán

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi và các hồ sơ kế toán, thống kê của HABECO.

Điều 64. Người điều hành doanh nghiệp.

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, HABECO được tuyển dụng người điều hành khác, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của HABECO do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ HABECO đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Mục 5. THƯ KÝ HABECO

Điều 65. Thư ký HABECO

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký HABECO với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký HABECO khi cần nhưng không trái với quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty

Thư ký HABECO có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của HABECO.

Mục 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ HABECO

Điều 66. Công khai các lợi ích liên quan

1.Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh từ Trưởng, Phó phòng ban và tương đương trở lên phải có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của HABECO mà họ có thể được hưởng thông qua pháp nhân kinh tế, các giao dịch cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. HABECO không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa HABECO với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO, hoặc những người liên quan đến họ hoặc HABECO, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc,

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban

trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của HABECO hoặc công ty con của HABECO vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 67. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ, hành động, quyết định, ý kiến hoặc sai sót nào của một thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý của HABECO (dù là được quy định trong Điều lệ này) vì lý do người đó là do cổ đông đó chỉ định hoặc người đó là người liên quan của cổ đông đó.

2. HABECO sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do HABECO thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của HABECO) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được HABECO (hay công ty con của HABECO) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của HABECO (hay công ty con của HABECO) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của HABECO, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. HABECO có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 68. Nghĩa vụ của những người quản lý HABECO

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO;

c. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông của HABECO; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Không được đem tài sản của HABECO chuyển nhượng, tặng, cho người khác; không được tiết lộ bí mật của HABECO, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc/và theo các quy định hiện hành của HABECO.

e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HABECO về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của HABECO.

2. Khi HABECO không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

a. Phải thông báo tình hình tài chính của HABECO cho tất cả chủ nợ biết;

b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của HABECO, kể cả cho người quản lý;

c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;

d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của HABECO.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

Điều 69. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa HABECO với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của HABECO và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác và có sở hữu phần vốn góp

hoặc cổ phần hoặc những người liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10%Vốn điều lệ;

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản HABECO ghi trong báo cáo tài chính sau kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đai diện công ty ký hợp đồng phải thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên về các đối tượng liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng_hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại sau khi đã trừ số cổ phiếu của cổ đông có liên quan đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Chủ tịch Hội đồng quản trị, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho HABECO các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 70. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. HABECO có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng được hưởng gắn với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý của HABECO. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

d. Tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

3. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO; phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 7. BAN KIỂM SOÁT

Điều 71. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành HABECO:

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của HABECO.

2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên của Ban phụ trách từng loại công việc.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp; phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

c. Không phải vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO;

e. Không là thành viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó.

4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp làm việc chuyên trách tại HABECO.

5. Kiểm soát viên không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của HABECO, và cũng không là người có liên quan với các chức danh kể trên hoặc người quản lý khác;

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 72. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra,

Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của HABECO.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 73. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của HABECO làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản

lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

5. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

6. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có hai phần 3 (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

7. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 74. Quyền lợi của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Kiểm soát viên không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO.

Điều 75. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO.

3. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông HABECO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì cáckiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của HABECO.

6. Trường hợp phát hiện có kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 76. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Điều lệ HABECO;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

d. Các trường hợp khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

e. Bị mất trí, bị chết theo qui định của Pháp luật.

4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Mục 8. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 77. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của HABECO;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành HABECO.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của HABECO chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của HABECO liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 78. Công khai thông tin về HABECO

1. HABECO phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:

a. Thông tin cơ bản về HABECO và điều lệ HABECO;

b. Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

d. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hằng năm;

Nội dung công bố thông tin quy định tại Điểm b và Điểm c Điều này bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ (HABECO) và Báo cáo tài chính hợp nhất;

đ. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo;

e. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

f. Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức HABECO.

2. Báo cáo thực trạng quản trị HABECO bao gồm các thông tin sau đây:

a. Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b. Thông tin về người quản lý Tổng công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với Tổng công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý Tổng công ty;

c. Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc;

d. Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;

đ. Thông tin về Đại hội công nhân, viên chức; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động;

e. Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

g. Thông tin về các bên có liên quan của HABECO, giao dịch của HABECO với bên có liên quan;

h. Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ này.

3. HABECO phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a. Tài khoản của HABECO tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của HABECO;

c. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của HABECO;

d. Thay đổi người quản lý HABECO, gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính kế toán;

đ. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý HABECO;

e. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của HABECO;

g. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h. Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

3. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 79. Chế độ kế toán

1. HABECO hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của HABECO.

2. Năm tài chính của HABECO bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên của HABECO bắt đầu từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. HABECO thực hiện chế độ kế toán và thống kê theo pháp luật hiện hành về kế toán, thống kê, kiểm toán của nhà nước Việt Nam:

a. Công tác kế toán thực hiện theo hệ thống chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành,

b. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của HABECO phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của HABECO. HABECO lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán trong toàn HABECO theo đúng quy định của pháp luật.

5. HABECO sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

6. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, HABECO có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

7. HABECO sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà HABECO mở tài khoản.

Điều 80. Báo cáo tài chính

1. HABECO phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 81 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.và các cơ quan nhà nước theo quy định.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của HABECO trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của HABECO cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của HABECO và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. HABECO phải lập các báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của HABECO.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sau tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của HABECO và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 81. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán trên cơ sở danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đơn vị kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán HABECO sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. HABECO sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của HABECO, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho HABECO phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của HABECO.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán HABECO sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 82. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của công ty

1. Sau khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, Đại hội đồng cổ đông quyết định trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ, mức trích quỹ tối đa không quá tỷ lệ (%) theo quy định của pháp luật trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ . Việc chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được phân phối như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông;
- Trích quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- Trích quỹ an sinh xã hội;
- Trích các quỹ khác (nếu có);

3. Mức trích, tỷ lệ trích các quỹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Điều 83. Xử lý thua lỗ

Trường hợp sản xuất - kinh doanh thua lỗ kéo dài 02 năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 84. Hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức;

2. Tổng công ty tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng công ty; không cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Điều 85. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng bộ Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

CHƯƠNG VIII

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 86. Hình thức tổ chức của HABECO

1. HABECO là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, là một trong các hình thức của nhóm công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất - kinh doanh và đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.

2. Các Công ty con là công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của HABECO, được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

3. Các Công ty liên kết là công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối của HABECO, được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

Điều 87. Quan hệ giữa HABECO với công ty con

HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của HABECO.

Điều 88. Quan hệ giữa HABECO với công ty liên kết

HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

Điều 89. Báo cáo tài chính của HABECO và công ty con

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, HABECO còn phải lập các báo cáo sau đây:

a. Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;

b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của nhóm công ty;

c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm công ty.

2. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.

3. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của HABECO, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.

4. Trường hợp không biết hoặc không nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo thì người quản lý HABECO sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.

5. Trong trường hợp người quản lý HABECO đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì người quản lý HABECO vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của nhóm công ty. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

6. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của HABECO, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của HABECO trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với HABECO (nếu có)

CHƯƠNG X

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU

Điều 90. Con dấu của HABECO

1. Hội đồng Quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của HABECO. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

a. Tên của HABECO;

b. Mã số doanh nghiệp của HABECO.

2. Trước khi sử dụng mẫu dấu mới, Tổng Giám đốc phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu

Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của HABECO

1. HABECO phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a. Điều lệ HABECO; sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; quy chế quản lý nội bộ của HABECO; sổ đăng ký cổ đông;

b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của HABECO;

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của HABECO;

e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;

g. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

h. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

i. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. HABECO phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 92. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định, giữa:

a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải hoặc quyết định hòa giải không được các bên thực hiện, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài thương mại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 93. Chấm dứt hoạt động

1. HABECO có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Toà án tuyên bố HABECO phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Kết thúc thời gian hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể HABECO do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 94. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể HABECO, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên; trong đó, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên HABECO hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được HABECO ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của HABECO.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt HABECO trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý HABECO trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của HABECO;

g. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

4. Việc phá sản HABECO được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG XIII

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN

Điều 95. Bổ sung, sửa đổi và hiệu lực của Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được quyền thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của bản Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO.

Điều 96. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 13 Chương, 96 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội họp và nhất trí thông qua toàn văn của điều lệ và có hiệu lực kể từ ngày này.

2. Điều lệ này được lập thành 5 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản gốc đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh tại Hà Nội.

b. 04 bản gốc lưu trữ tại HABECO.

c. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của HABECO.

3. Các bản sao và trích lục của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc HABECO mới có giá trị./.

Họ tên, chữ ký của thành viên hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO

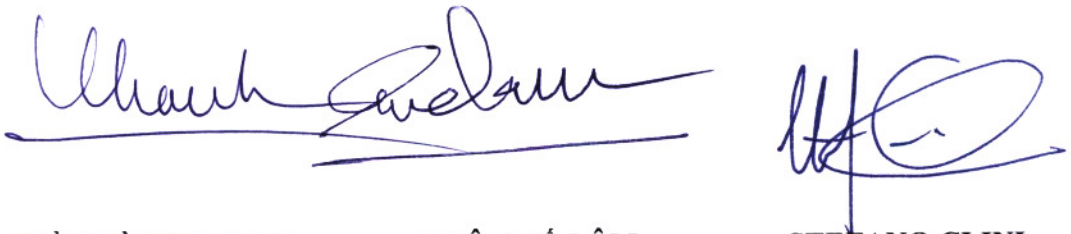

TRẦN ĐÌNH THANH **NGÔ QUÉ LÂM** **STEFANO CLINI**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ 2

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của HABECO 3

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật. 4

Điều 4. Vốn điều lệ 5

Điều 5. Các nguồn vốn khác 6

CHƯƠNG II
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HABECO

Điều 6. Mục tiêu hoạt động 6

Điều 7. Ngành nghề kinh doanh 6

Điều 8. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 7

CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HABECO

Mục 1. CÁC QUYỀN CỦA HABECO

Điều 9. Quyền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh 7

Điều 10. Quyền về vốn và tài sản 8

Mục 2. NGHĨA VỤ

Điều 11. Nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh 8

Điều 12. Nghĩa vụ trong quản lý tài chính 9

CHƯƠNG IV
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ TỨC

Mục 1. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 13. Cổ phần 10

Điều 14. Cổ phiếu 11

Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 11

Điều 16. Thừa kế cổ phần 13

Điều 17. Phát hành trái phiếu 13

Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu 13

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 14

Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của HABECO 14

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 15

Điều 22. Thu hồi cổ phần 15

Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông 16

Mục 2. CỔ TỨC

Điều 24. Cổ tức 16

Điều 25. Chi trả cổ tức 17

Điều 26. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức 18

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý HABECO 18

Mục 1. CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quy định chung về cổ đông 19

Điều 29. Quyền của cổ đông 19

Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông 22

Điều 31. Cổ đông chiến lược 22

Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 26

Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 27

Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 27

Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 28

Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 29

Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 30

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 32

Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 34

Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 35

Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 36

Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Hội đồng quản trị 36

Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 38

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 39

Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị 40

Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị 41

Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị 44

Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 44

Điều 51. Người phụ trách quản trị HABECO 45

Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 46

Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 46

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 47

Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 56. Tổng giám đốc 48

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc 48

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc 49

Điều 59. Từ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc 50

Điều 60. Ủy quyền của Tổng Giám Đốc 50

Điều 61. Trách nhiệm người được Tổng giám đốc ủy quyền 50

Điều 62. Ủy quyền liên quan đến con dấu 50

Điều 63. Trách nhiệm về chứng từ kế toán 51

Điều 64. Người điều hành doanh nghiệp. 51

Mục 5. THƯ KÝ HABECO

Điều 65. Thư ký HABECO 51

Mục 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ HABECO

Điều 66. Công khai các lợi ích liên quan 51

Điều 67. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường 53

Điều 68. Nghĩa vụ của những người quản lý HABECO 53

Điều 69. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 54

Điều 70. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 55

Mục 7. BAN KIỂM SOÁT

Điều 71. Ban kiểm soát 56

Điều 72. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 57

Điều 73. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 58

Điều 74. Quyền lợi của Kiểm soát viên 59

Điều 75. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên 59

Điều 76. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 60

Mục 8. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 77. Trình báo cáo hàng năm 60

Điều 78. Công khai thông tin về HABECO 61

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 79. Chế độ kế toán 63

Điều 80. Báo cáo tài chính 64

Điều 81. Kiểm toán 64

Điều 82. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của công ty 65

Điều 83. Xử lý thua lỗ 66

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 84. Hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty 66

Điều 85. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam 66

CHƯƠNG VIII

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 86. Hình thức tổ chức của HABECO 66

Điều 87. Quan hệ giữa HABECO với công ty con 67

Điều 88. Quan hệ giữa HABECO với công ty liên kết 67

Điều 89. Báo cáo tài chính của HABECO và công ty con 67

CHƯƠNG X

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU

Điều 90. Con dấu của HABECO 68

Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của HABECO 68

CHƯƠNG XI

NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 92. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 69

CHƯƠNG XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 93. Chấm dứt hoạt động 69

Điều 94. Thanh lý 70

CHƯƠNG XIII

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN

Điều 95. Bổ sung, sửa đổi và hiệu lực của Điều lệ 71

Điều 96. Ngày hiệu lực 71